



**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG THUY VĂN VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**

---

# **THÔNG BÁO KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP THÁNG XI/2018**



**HÀ NỘI, THÁNG XII/2018**

## LỜI NÓI ĐẦU

Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp do Phòng Giám sát và Dự báo khí tượng nông nghiệp, Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, soạn thảo và xuất bản hàng tháng.

Bản tin Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp được xây dựng trên cơ sở nguồn dữ liệu:

- 56 trạm khí tượng và 29 trạm khí tượng nông nghiệp do Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia cung cấp;
- Bản tin Dự báo thời tiết tháng do Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Trung ương cung cấp;
- Bản tin Dự báo khí hậu (3 tháng) do Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng - Khí hậu, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu cung cấp;
- Báo cáo tổng hợp tình hình sản xuất nông nghiệp hàng tháng ở các vùng sinh thái nông nghiệp do Trung tâm Thông tin, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cung cấp;
- Số liệu thống kê về diện tích, năng suất, sản lượng của các cây trồng chính do Tổng cục Thống kê cung cấp.

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.

Địa chỉ: 23/62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 024.37733372; 024.37733090-407

Fax: 024.38358626

Email: [son.nguyenhong@imh.ac.vn](mailto:son.nguyenhong@imh.ac.vn);

Webside: <http://www.imh.ac.vn>



## MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG XI/2018 .....	1
1. Vùng Tây Bắc.....	1
2. Vùng Việt Bắc.....	2
3. Vùng Đông Bắc.....	3
4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ .....	5
5. Vùng Bắc Trung Bộ .....	6
6. Vùng Trung Trung Bộ.....	7
7. Vùng Nam Trung Bộ.....	8
8. Vùng Tây Nguyên .....	9
9. Vùng Nam Bộ.....	11
II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG XI/2018 .....	12
III. DỰ BÁO THỜI TIẾT TRONG THÁNG XII/2018 VÀ DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG XII/2018 VÀ THÁNG I, II/2019 .....	16
V. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ .....	17
V. TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	17

## I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG XI/2018

Nền nhiệt độ không khí trung bình trong tháng XI/2018 tại các địa phương trong cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN ( $0,3^{\circ}\text{C}$  đến  $4,2^{\circ}\text{C}$ ) (hình 10).

Hầu hết các khu vực có lượng mưa xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ  $-457\text{mm}$  đến  $459\text{mm}$ . (hình 11).

Tổng số giờ nắng tháng ở hầu hết các địa phương của nước ta phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ  $-48$  giờ đến  $85$  giờ). Độ ẩm không khí trung bình tháng ở hầu hết các địa phương trong cả nước có giá trị phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ  $-8\%$  đến  $10\%$ ).

Chi tiết về diễn biến tình hình khí tượng tháng XI/2018 ở từng vùng của nước ta như sau:

### 1. Vùng Tây Bắc

#### 1.1. Diễn biến nhiệt độ

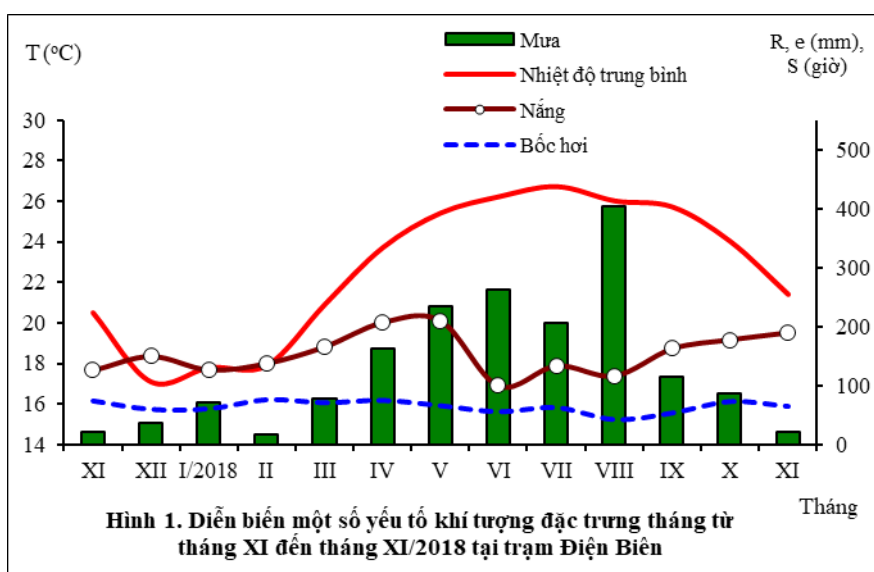
Nhiệt độ các khu vực thuộc vùng Tây Bắc ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ  $1,0$  đến  $4,2^{\circ}\text{C}$ ; với giá trị nhiệt độ trung bình tháng dao động từ  $14,4^{\circ}\text{C}$  đến  $24,4^{\circ}\text{C}$  (hình 10).

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng phổ biến từ  $11,3^{\circ}\text{C}$  đến  $20,2^{\circ}\text{C}$ , giá trị thấp nhất là  $5,2^{\circ}\text{C}$  xảy ra vào ngày 29/XI tại Sìn Hồ.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ  $20,0^{\circ}\text{C}$  đến  $29,0^{\circ}\text{C}$ , giá trị cao nhất là  $34,2^{\circ}\text{C}$  xảy ra vào ngày 20/XI tại Yên Châu. Sự biến động của nhiệt độ không khí theo thời gian tại trạm đại diện cho vùng Tây Bắc (Điện Biên) được thể hiện trên hình 1.

#### 1.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng XI/2018 ở khu vực Tây Bắc dao động phổ biến từ



Hình 1. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng XI đến tháng XI/2018 tại trạm Điện Biên

10mm đến 54mm, cao nhất là 84mm tại Tam Đường. Lượng mưa ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -44mm đến 14mm.

- Lượng mưa ngày cao nhất phổ biến từ 5mm đến 36mm, cao nhất là 55mm xảy ra ngày 18/XI tại Tam Đường.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 2 đến 11 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 7 đến 16 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 8 ngày.

Biến trình lượng mưa tháng tại Điện Biên (đại diện cho vùng Tây Bắc) được thể hiện trên hình 1.

### ***1.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng***

- Số giờ nắng tháng XI/2018 phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 10 giờ đến 85 giờ; giá trị tổng số giờ nắng tháng phổ biến từ 112 giờ đến 235 giờ (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng XI/2018 dao động từ 75% đến 90%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -7% đến 8%. Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 14% xảy ra vào ngày 1/XI tại Than Uyên.

- Tổng lượng bốc hơi tháng XI/2018 có giá trị phổ biến từ 37mm đến 88mm. Lượng bốc hơi tháng ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-34mm đến 68mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất ở các nơi đo được phổ biến từ 2-5mm.

### ***1.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt***

- Mưa phùn xuất hiện 1 ngày tại Mộc Châu
- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 1 đến 4 ngày

## **2. Vùng Việt Bắc**

### ***2.1. Diễn biến nhiệt độ***

- Nền nhiệt độ không khí tháng XI/2018 vùng Việt Bắc ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (1,3<sup>0</sup>C đến 2,8<sup>0</sup>C) (hình 10). Diễn biến nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Việt Trì được thể hiện trên hình 2;

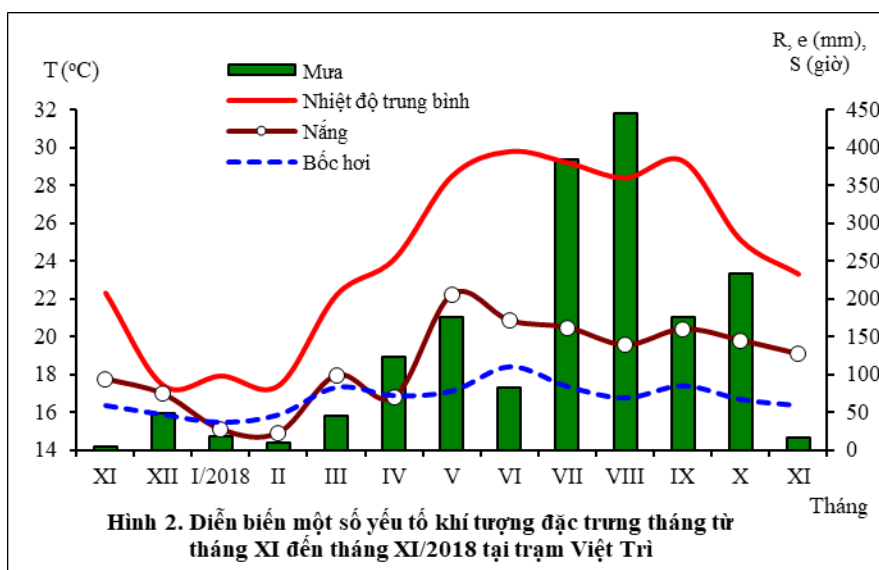
- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng phổ biến từ 13,9<sup>0</sup>C đến 23,3<sup>0</sup>C

- Giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 11,3<sup>0</sup>C đến 20,7<sup>0</sup>C, nhiệt độ không khí thấp nhất là 7,2<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 27/XI tại Sapa.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 18,1<sup>0</sup>C đến 27,8<sup>0</sup>C, nhiệt độ không khí cao nhất là 31,5<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 21/XI tại Chiêm Hóa.

## 2.2. Diễn biến về mưa

Tổng lượng mưa tháng ở các địa phương trong vùng chủ yếu từ 12 mm đến 89mm; cao nhất là 654mm tại Bắc Quang, lượng mưa phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh TBNN từ -48mm đến 459mm. Diễn biến



của tổng lượng mưa tháng ở trạm Việt Trì (đại diện cho vùng Việt Bắc) được thể hiện trên hình 2.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 5mm đến 94mm. Số ngày mưa trong tháng dao động phổ biến từ 4 – 15 ngày. Số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 12 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 8 đến 11 ngày.

## 2.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

Tổng số giờ nắng tháng XI/2018 ở các nơi thuộc Việt Bắc có giá trị phổ biến từ 101 giờ đến 187 giờ, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-22 giờ đến 66 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng XI/2018 phổ biến từ 80 đến 89%; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-5% đến 7%). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 25%, xảy ra vào ngày 1/XI tại Bắc Cạn.

- Lượng bốc hơi tháng ở các nơi trong vùng có giá trị phổ biến từ 15mm đến 83mm, và có giá trị ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-603mm đến 62mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2mm đến 6mm.

## 2.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Mưa phùn xuất hiện 2 ngày tại Việt Trì.
- Đông xảy ra 1 ngày ở một số khu vực.

## 3. Vùng Đông Bắc

### 3.1. Diễn biến nhiệt độ

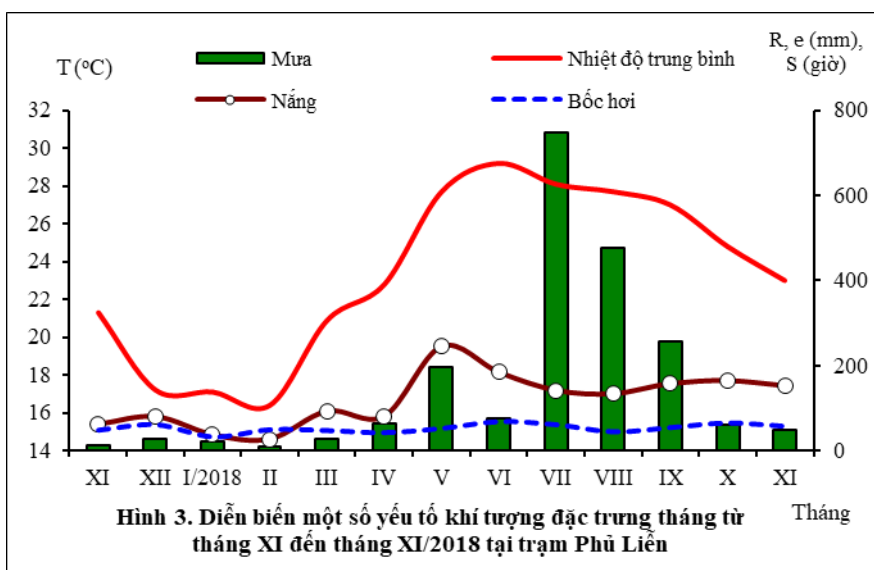
- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 0,7°C đến 2,3°C; có giá trị dao động từ 18,0°C đến 23,4°C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 23,4°C đến 28,3°C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 32,0°C xảy ra vào các ngày 7/XI tại Bắc Giang.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 14,7°C đến 20,9°C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 8,5°C xảy ra vào ngày 27/XI tại Trùng Khánh. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Phù Liên được thể hiện trên hình 3.

### 3.2. Diễn biến về mưa

- Lượng mưa tháng XI/2018 dao động phổ biến từ 9mm đến 155mm, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-41mm đến 81mm) (hình 11). Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất dao động phổ biến từ 4 đến 88mm.



Hình 3. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng XI đến tháng XI/2018 tại trạm Phù Liên

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 6 - 14 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 10 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 15 ngày. Có thể thấy diễn biến theo thời gian của tổng lượng mưa tháng tại trạm đại diện cho vùng Đông Bắc (trạm Phù Liên) ở hình 3.

### 3.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng XI/2018 đo được ở các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-41 giờ đến 11 giờ) (hình 12) và phổ biến dao động trong khoảng từ 120 giờ đến 159 giờ.

- Độ ẩm không khí trung bình tháng XI/2018 ở các nơi dao động phổ biến từ 77 đến 88%, ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 3% đến 10%; giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 4% xảy ra vào ngày 2/XI tại Ưông Bí.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 41mm đến 83mm. Lượng bốc hơi các khu vực trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị

lượng mưa -73mm đến 58mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất từ 4 - 10mm (hình 14).

### 3.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

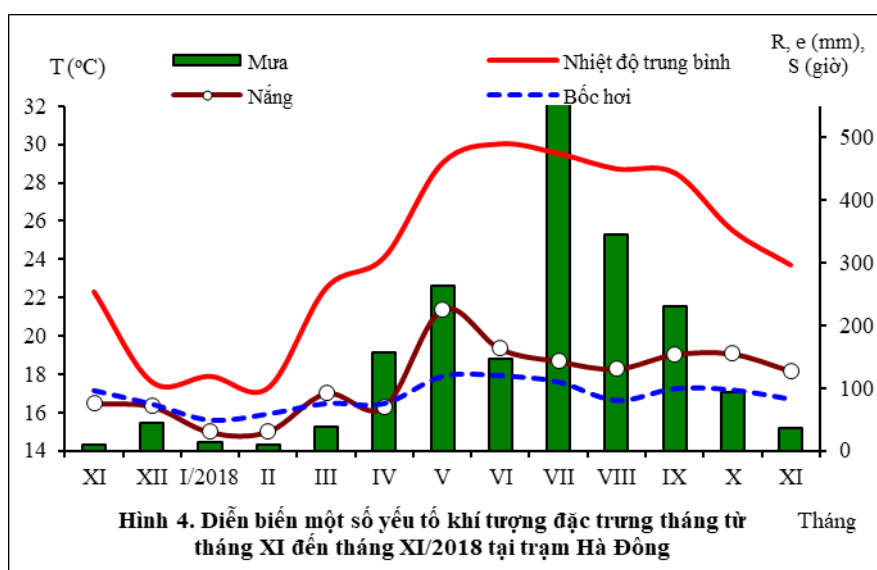
- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 1 – 2 ngày.
- Mưa phùn xuất hiện ở một số khu vực từ 1 - 2 ngày.

## 4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ

### 4.1. Diễn biến nhiệt độ

Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng có giá trị dao động từ 23,2<sup>0</sup>C đến 24,2<sup>0</sup>C, ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ 1,8<sup>0</sup>C đến 2,9<sup>0</sup>C) (hình 10);

- Nhiệt độ không khí cao nhất



Hình 4. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng XI đến tháng XI/2018 tại trạm Hà Đông

trung bình tháng từ 26,9<sup>0</sup>C đến 28,4<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 32,0<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 7/XI tại Vĩnh Yên;

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng ở các nơi từ 20,5<sup>0</sup>C đến 21,9<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 15,0<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 22/XI tại Hải Dương. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

### 4.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -65mm đến 43mm (hình 11) và có giá trị dao động phổ biến từ 6mm đến 96mm, cao nhất là 121mm xảy ra tại Nho Quan.

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 4 đến 75mm, số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 2 đến 11 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 7 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 7 đến 12 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

### 4.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng XI/2018 ở các nơi trong vùng dao động từ 107 giờ đến 165 giờ; có giá trị ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -38 giờ đến 16 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 75% đến 865%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-6% đến 6%) (hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 20% xảy ra vào ngày 1/XI tại Láng.

- Lượng bốc hơi vùng Đồng bằng Bắc Bộ phổ biến từ 52mm đến 83mm; lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 4 đến 6mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa tháng từ -56mm đến 53mm.

#### 4.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Mưa phùn xuất hiện ở một số khu vực từ 1 – 3 ngày.
- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 1 đến 2 ngày.

### 5. Vùng Bắc Trung Bộ

#### 5.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 1,4<sup>0</sup>C đến 2,8<sup>0</sup>C) (hình 10) và có giá trị từ 22,9<sup>0</sup>C đến 23,9<sup>0</sup>C.

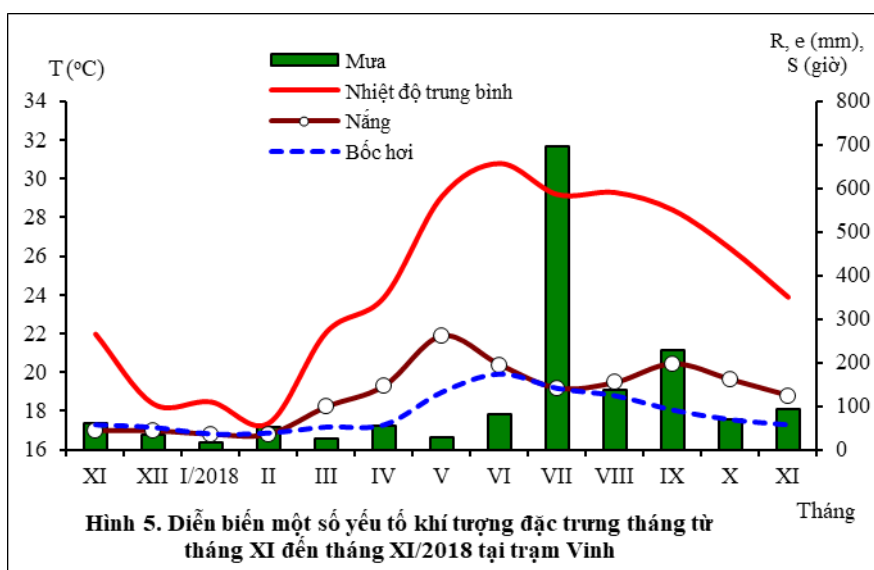
- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 26,7<sup>0</sup>C đến 28,8<sup>0</sup>C,

giá trị nhiệt độ cao nhất là 34,0<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 21/XI tại Hội Xuân.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 19,8<sup>0</sup>C đến 21,6<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 13,8<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 2/XI tại Quỳnh Châu. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

#### 5.2. Diễn biến về mưa

- Trong tháng XI/2018, phần lớn các khu vực có lượng mưa phổ biến từ 27mm đến 171mm, cao nhất là 288mm. Tổng lượng mưa tháng xấp xỉ hoặc dao



Hình 5. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng XI đến tháng XI/2018 tại trạm Vinh

động xung quanh giá trị TBNN từ -245mm đến 126mm (hình 11).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 14 đến 129mm.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 8 - 18 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 9 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 8 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

### 5.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng dao động phổ biến từ 81 đến 147 giờ, tổng số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -43 giờ đến 58 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 82% đến 88%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-6% đến 4%); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 26% xảy ra vào ngày 2/XI tại Con Cuông.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 36mm đến 71mm, lượng bốc hơi ngày lớn nhất phổ biến từ 3 - 6mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-231mm đến 36mm).

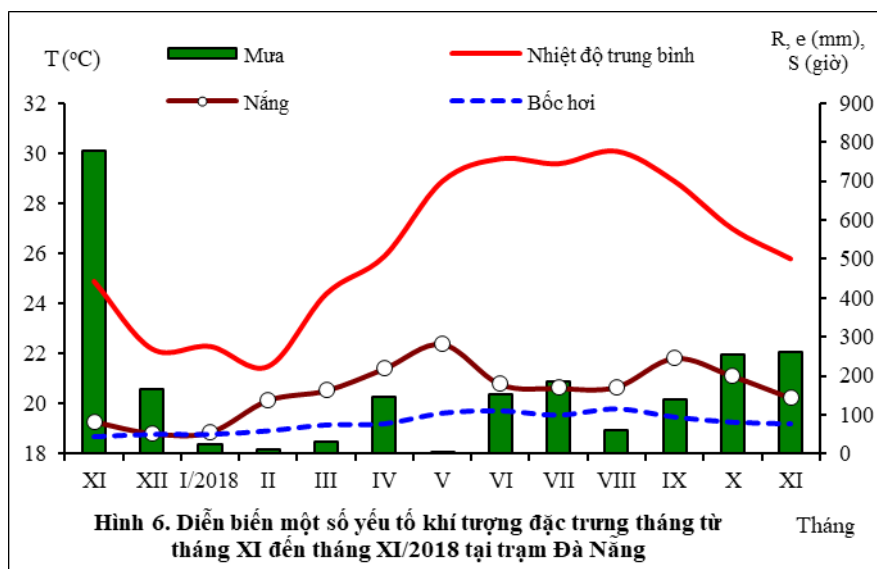
### 5.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện ở một số nơi từ 1 – 2 ngày.

## 6. Vùng Trung Trung Bộ

### 6.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng XI/2018 từ 21,4<sup>0</sup>C đến 25,8<sup>0</sup>C, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (1,0<sup>0</sup>C đến 2,4<sup>0</sup>C) (hình 10). Có thể thấy được biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm đại diện cho Trung Trung Bộ (Đà Nẵng) trên hình 6.



Hình 6. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng XI đến tháng XI/2018 tại trạm Đà Nẵng

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 25,0<sup>0</sup>C đến 29,6<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 34,4<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 5/XI tại Huế.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 18,8<sup>0</sup>C đến 23,4<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ thấp nhất là 12,9<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 2/XI tại A Lưới.

### **6.2. Diễn biến về mưa**

- Tổng lượng mưa trong tháng XI/2018 ở hầu hết các khu vực đều xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ -457mm đến -57mm. Lượng mưa ở Trung Trung Bộ dao động từ 140 – 667mm, thấp nhất là 82mm xảy ra ở Tuyên Hóa.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 24 mm đến 178mm.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 13 đến 20 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 9 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 11 ngày. Có thể xem biến trình tổng lượng mưa tháng tại Đà Nẵng trên hình 6.

### **6.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng**

- Số giờ nắng trong tháng phổ biến từ 96 giờ đến 164 giờ. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (10 giờ đến 60 giờ) (Hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 82% đến 93%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -3% đến 3%; giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 47% xảy ra vào ngày 1/XI tại Tuyên Hóa.

- Tổng lượng bốc hơi tháng dao động phổ biến từ 30mm đến 76mm, lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2 đến 8mm. Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa (-457mm đến -52mm).

### **6.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt**

- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 1 - 6 ngày.

## **7. Vùng Nam Trung Bộ**

### **7.1. Diễn biến nhiệt độ**

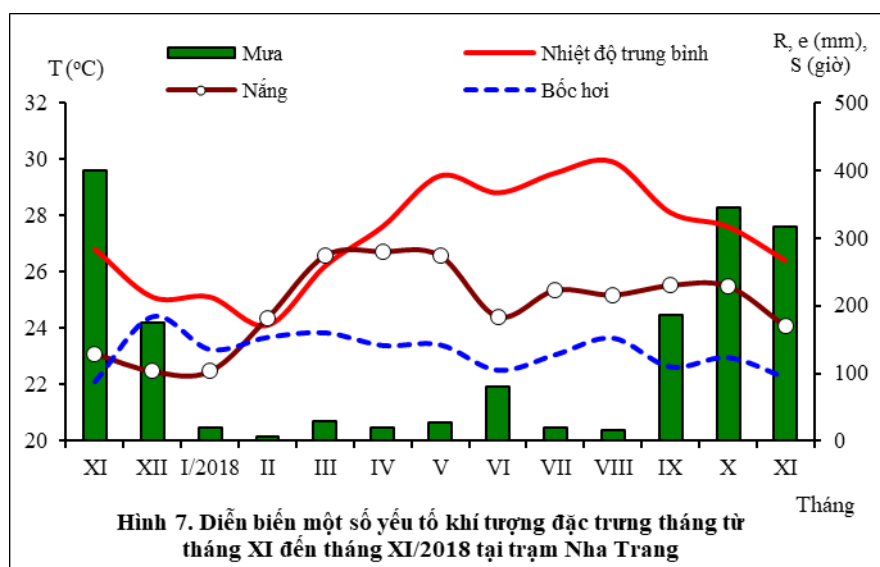
Nhiệt độ không khí trung bình tháng XI/2018 từ 25,3<sup>0</sup>C đến 27,1<sup>0</sup>C, ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 0,8<sup>0</sup>C đến 1,4<sup>0</sup>C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 28,8<sup>0</sup>C đến 30,5<sup>0</sup>C giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 32,5<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 6/XI tại Phan Rang.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 23,0<sup>0</sup>C đến 24,5<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 20,6<sup>0</sup>C, xảy ra vào ngày 21/XI tại Hoài Nhơn. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Nha Trang được thể hiện trên hình 7.

### **7.2. Diễn biến về mưa**

- Trong tháng VIII/2018, ở hầu hết các khu vực lượng mưa dao động từ 145mm đến 751mm. Tổng lượng mưa tháng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -56mm đến 271mm). Diễn



Hình 7. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng XI đến tháng XI/2018 tại trạm Nha Trang

biến tổng lượng mưa tháng tại trạm Nha Trang được thể hiện trên hình 7.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 54mm đến 175mm.

- Số ngày mưa trong tháng ở các địa phương phổ biến từ 8 đến 20 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 6 ngày; số ngày không mưa liên tục trong tháng phổ biến từ 3 đến 9 ngày.

### 7.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng XI/2018 ở các nơi trong vùng phổ biến từ 170 giờ đến 218 giờ; số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (20 giờ đến 56 giờ);

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 80% đến 88%, phổ biến ở mức xấp xỉ giá trị TBNN (hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất là 52% xảy ra vào ngày 2/XI tại Cam Ranh.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 48mm đến 95mm, lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 5 đến 7mm. Lượng bốc hơi các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa (-620mm đến -50mm).

### 7.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 1 - 4 ngày.

## 8. Vùng Tây Nguyên

### 8.1. Diễn biến nhiệt độ

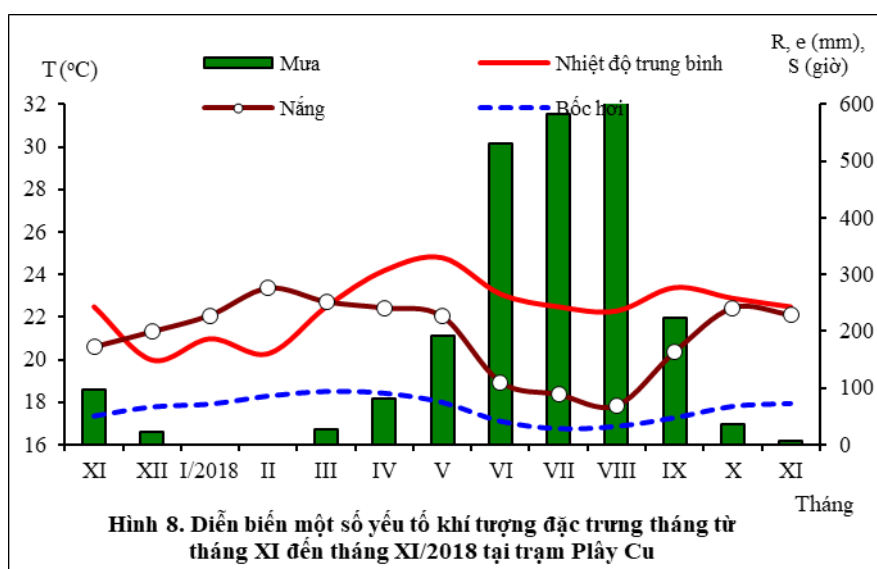
Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng XI/2018 từ 17,9<sup>0</sup>C đến 21,5<sup>0</sup>C; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 0,3<sup>0</sup>C đến 2,4<sup>0</sup>C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 22,7<sup>0</sup>C đến 30,4<sup>0</sup>C; giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 32,8<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 6/XI tại Ayunpa.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 14,8 đến 21,9<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 10,5<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 21/XI tại Đà Lạt. Có thể xem diễn biến nhiệt độ trung bình tháng ở trạm Plây Cu đại diện cho vùng Tây Nguyên trên hình 8.

### 8.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng XI/2018 ở khu vực Tây Nguyên có lượng mưa 63 đến 316mm, một số khu vực lượng mưa dưới 10mm như PlâyCu, Kon Tum, Đắc Tô. Lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -51mm đến 61mm).



Hình 8. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng XI đến tháng XI/2018 tại trạm Plây Cu

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 33mm đến 117mm. Số ngày mưa các nơi trong vùng phổ biến từ 2 đến 18 ngày, trong đó số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 6 ngày, số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 24 ngày. Diễn biến tổng lượng mưa tháng tại trạm Plây Cu được thể hiện trên hình 8.

### 8.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng XI/2018 phổ biến từ 117 giờ đến 235 giờ. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-26 giờ đến 32 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ -5% đến -2% (hình 13), có giá trị phổ biến từ 72% đến 88%; độ ẩm không khí thấp nhất là 33% xảy ra vào ngày 21/XI tại Đắc Nông.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 39mm đến 133mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3 đến 6mm. Lượng bốc hơi ở các nơi trong vùng xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa từ -153mm đến 126mm.

#### 8.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 1 - 6 ngày.

### 9. Vùng Nam Bộ

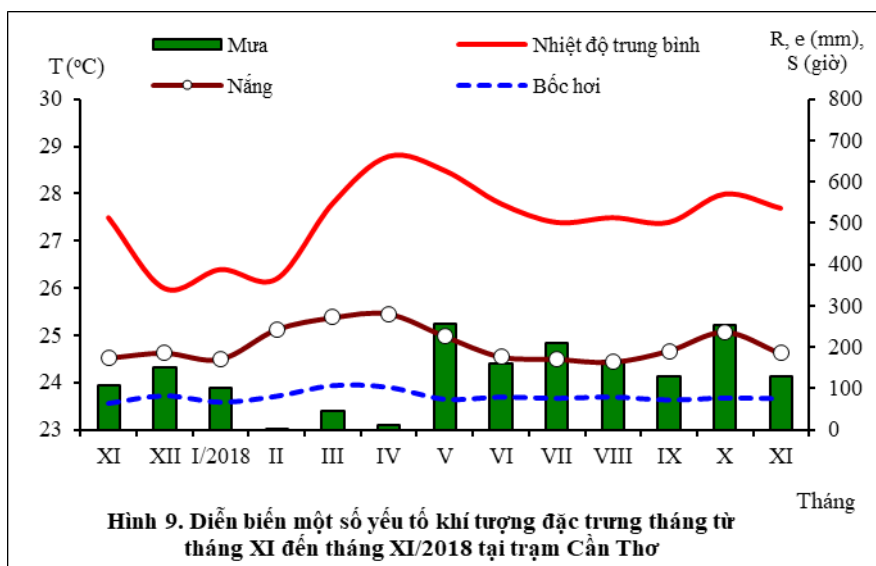
#### 9.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng IX/2018 từ 26,2<sup>0</sup>C đến 28,6<sup>0</sup>C phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (0,4<sup>0</sup>C đến 2,2<sup>0</sup>C) (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ

31,0<sup>0</sup>C đến 33,1<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 36,0<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 10/XI tại Tân Sơn Nhất.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 20,7<sup>0</sup>C đến 25,7<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 20,5<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 1/XI tại Trị An. Hình 9 thể hiện diễn biến của nhiệt độ trung bình tháng tại trạm Cần Thơ.



Hình 9. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng XI đến tháng XI/2018 tại trạm Cần Thơ

#### 9.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng XI/2018 dao động phổ biến từ 26mm đến 234mm, cao nhất là 455mm xảy ra tại Tân Sơn Nhất. Lượng mưa tháng ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-96mm đến 338mm).

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến dao động từ 15mm đến 226mm.

- Số ngày mưa trong tháng dao động từ 5 đến 14 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 16 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 6 ngày.

#### 9.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng XI/2018 phổ biến từ 137 giờ đến 228 giờ; ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-48 giờ đến -10 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 72% đến 85%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -8% đến 3% (hình 13). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 34% xảy ra vào ngày 21/XI tại Đồng

Phú.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 63mm đến 103mm, lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3 đến 5mm; lượng bốc hơi tháng ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa tháng (-352mm đến 37mm).

#### **9.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt**

- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 2 - 11 ngày.
- Gió Tây khô nóng xuất hiện ở một số khu vực từ 2 đến 6 ngày với cường độ nhẹ.

## **II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG XI/2018**

Điều kiện khí tượng nông nghiệp tháng XI/2018 ở hầu hết các vùng trong cả nước không thực sự thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp tuy nền nhiệt ở các vùng đều cao hơn TBNN nhưng lượng mưa, số giờ nắng và độ ẩm không khí ở nhiều nơi thấp hơn TBNN, lượng bốc hơi cao hơn lượng mưa làm ảnh hưởng đến tiến độ sản xuất nông nghiệp. Trên Miền Bắc đã xuất hiện hạn cục bộ ở nhiều địa phương.

Tính đến cuối tháng, Miền Bắc đã cơ bản hoàn thành thu hoạch lúa mùa, khẩn trương làm đất gieo trồng các cây vụ đông còn thời vụ, một số nơi cho đất nghỉ, làm công tác vệ sinh đồng ruộng. Một số tỉnh miền núi đang tiếp tục thu hoạch lúa mùa. Ở các tỉnh Miền Nam đã kết thúc thu hoạch lúa hè thu, chuyển trọng tâm sang thu hoạch lúa mùa và xuống giống lúa đông xuân sớm, đồng thời tập trung không chế rầy, sâu đục thân, bệnh đạo ôn nhằm tránh lây lan từ lúa hè thu /mùa sang vụ đông xuân.

### **1. Đối với cây lúa**

- *Lúa Mùa*: Tính đến cuối tháng XI, cả nước đã gieo cấy được 1.698 nghìn ha, bằng 99% cùng kỳ năm trước, trong đó các địa phương phía Bắc gieo cấy 1.115,8 nghìn ha, bằng 98,4%, các địa phương phía Nam gieo cấy 582,5 nghìn ha, bằng 100,5% .

*Tại các tỉnh phía Bắc*, diện tích gieo cấy lúa Mùa năm nay đạt thấp hơn năm ngoái, do các địa phương chuyển một phần diện tích trồng lúa sang sử dụng cho mục đích khác.

Do thời tiết vụ mùa năm nay thuận lợi cho cây lúa sinh trưởng và phát triển nên năng suất lúa mùa các tỉnh phía Bắc đạt cao hơn cùng kỳ. Theo báo cáo sơ bộ, năng suất lúa mùa toàn miền đạt 49,4 tạ/ha, tăng 3,2 tạ/ha so với vụ mùa năm 2017; sản lượng ước đạt gần 5,5 triệu tấn, tăng 217,1 nghìn tấn.

*Tại các tỉnh phía Nam*, diện tích gieo cấy lúa Mùa ước đạt 581,8 nghìn ha, bằng 100,5% cùng kỳ. Đến thời điểm báo cáo, khoảng 170 nghìn ha lúa Mùa các tỉnh phía Nam đã cho thu hoạch, bằng 115% cùng kỳ. Dự ước năng suất lúa mùa các tỉnh phía Nam đạt khoảng 48,5 tạ/ha, tăng khoảng 3 tạ/ha so cùng kỳ; sản lượng ước đạt 2,8 triệu tấn, tăng 201 nghìn tấn và bằng 107,7 % so với năm 2017.

*Lúa Đông xuân 2018-2019*: Sau khi thu hoạch lúa thu đông, bà con nông dân các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long đã khẩn trương xới, dọn đất để xuống giống vụ lúa đông xuân. Tính đến cuối tháng, các tỉnh đã gieo cấy được 348,5 nghìn ha, bằng 149,2% cùng kỳ năm trước.

- *Lúa Thu đông*: Diện tích gieo trồng lúa Thu đông 2018 thấp hơn cùng kỳ do vụ Hè thu xuống giống trễ và kéo dài, hơn nữa lũ năm nay về sớm và lên nhanh do ảnh hưởng của mưa bão, nhiều diện tích không thể gieo trồng. Tính đến giữa tháng 11, các địa phương vùng Đồng bằng sông Cửu Long đã gieo cấy được 760 nghìn ha lúa thu đông, bằng 98,6% cùng kỳ năm trước. Đến nay toàn vùng đã thu hoạch được 412 nghìn ha lúa thu đông, chiếm 54,2% diện tích gieo cấy và bằng 95,5% cùng kỳ năm trước. Tổng hợp báo cáo sơ bộ của các tỉnh ĐBSCL, năng suất toàn vụ đạt 53,3 tạ/ha, tăng 0,9 tạ/ha so với vụ thu đông 2017; sản lượng đạt 3,9 triệu tấn, giảm 343,2 nghìn tấn.

## **2. Đối với các loại rau màu và cây công nghiệp**

Ngoài việc tập trung chăm sóc, thu hoạch lúa hè thu, lúa mùa, các địa phương trên cả nước còn đẩy mạnh gieo trồng các loại cây hoa màu và cây công nghiệp ngắn ngày.

Tính đến cuối tháng XI, các địa phương trên cả nước đã gieo trồng được 1.043 nghìn ha ngô, bằng 95% cùng kỳ năm trước; 125, nghìn ha khoai lang, bằng 103,3 %; 189,7 nghìn ha lạc, bằng 97%; 58,5 nghìn ha đậu tương, bằng 86%; 1143 nghìn ha rau, đậu, bằng 105% .

*Gieo trồng vụ Đông ở miền Bắc*: Tính đến cuối tháng XI/2018, các địa phương phía Bắc đã gieo trồng được 107,6 ha ngô, bằng 98% cùng kỳ năm

trước; 19,8 ha khoai lang, bằng 95,9 %; 4,8 ha lạc, bằng 97,2%; 7,4 ha đậu tương, bằng 124,1%; 92,8 ha rau, đậu, bằng 103,3%.

Ở Mộc Châu, Phú Hộ chè đang trong giai đoạn lá thật thứ nhất đến búp hái, trạng thái sinh trưởng từ kém đến trung bình. Ở Ba Vì chè ngừng sinh trưởng.

Ở Đồng bằng Bắc Bộ khoai lang đẻ nhánh, trạng thái sinh trưởng trung bình. Ngô đang trong giai đoạn chín sấp, trạng thái phát triển khá.

Ở Tây Nguyên và Đông Nam Bộ cà phê đang trong giai đoạn ra nụ và quả chín, trạng thái sinh trưởng từ trung bình đến tốt (bảng 1).

**Bảng 1. Số liệu khí tượng nông nghiệp tuần 3 tháng XI/2018**

Số TT	Các vùng sinh thái nông nghiệp	Trạm	Các giai đoạn phát triển của cây trồng	Trạng thái sinh trưởng của cây trồng	Độ ẩm đất	Tác động của thiên tai, sâu bệnh
1	Tây Bắc, Việt Bắc	Mộc Châu	Chè lớn búp hái	Kém	Rất khô	
2		Điện Biên	Chuyển vụ			
3		Văn Chấn	Chuyển vụ			
4		Tuyên Quang	Chuyển vụ			
5	Đông Bắc	Uông Bí	Chuyển vụ			
6		Lạng Sơn	Chuyển vụ			
7		Bắc Giang	Chuyển vụ			
8	Trung du Bắc Bộ	Phú Hộ	Chè lớn lá thật thứ nhất	TB	TB	
9		Ba Vì	Chè ngừng sinh trưởng			
10	Đồng bằng sông Hồng	Hà Đông	Chuyển vụ			
11		Hoài Đức	Ngô chín sấp	Khá	ẩm	
12		Hải Dương	Khoai lang đẻ nhánh			
13		Hung Yên	Chuyển vụ			
14		Nam Định	Chuyển vụ			
15		Ninh Bình	Chuyển vụ			
16		Thái Bình	Chuyển vụ			
17	Bắc Trung Bộ	Yên Định	Chuyển vụ			
19		Thanh Hoá	Chuyển vụ			
20		Quỳnh Lưu	Chuyển vụ			
21		Đô Lương	Chuyển vụ			
22	Nam Trung Bộ	Tuy Hoà	Chuyển vụ			
23		An Nhơn	Chuyển vụ			

24	Tây Nguyên	Eakmat	Cà phê ra nụ	Tốt	TB	
25	Nam Bộ	Xuân Lộc	Cà phê quả chín	TB	TB	
26		Trà Nóc	Lúa xuân			
27		Mỹ Tho	Lúa mùa ngậm sữa	TB	3 cm	
28		Bạc Liêu	Lúa mùa trổ bông	TB	3cm	Chuột hại nhẹ

### 3. Tình hình sâu bệnh

Theo Cục Bảo vệ thực vật tình hình sinh vật gây hại cây lúa trong tháng XI diễn ra như sau:

- **Rầy hại lúa:** Diện tích nhiễm 2.421 ha, nhiễm nặng 16 ha, phòng trừ 1.280 ha. Phân bố tập trung tại các tỉnh An Giang, Long An, Tây Ninh, Bình Thuận, Lâm Đồng...

- **Bệnh VL, LXL:** Diện tích nhiễm 45,5 ha. Bệnh xuất hiện tại Tp Hồ Chí Minh, Hậu Giang.

#### - **Bệnh đạo ôn**

+ **Bệnh đạo ôn hại lá:** Diện tích nhiễm 12.271 ha, nhiễm nặng 52 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Kiên Giang, Đồng Nai, Sóc Trăng, Tiền Giang, Bạc Liêu, Long An, Trà Vinh...

+ **Bệnh đạo ôn cổ bông:** Diện tích nhiễm 622 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Tiền Giang, Sóc Trăng, Hậu Giang, ...

- **Sâu đục thân:** Diện tích nhiễm 955 ha. Tập trung tại các tỉnh Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Gia Lai...

- **Sâu cuốn lá nhỏ:** Diện tích nhiễm 3.091 ha. Tập trung tại các tỉnh Nam bộ.

- **Bệnh bạc lá:** Diện tích nhiễm 3.012 ha, nhiễm nặng 06 ha. Phân bố tập trung tại các tỉnh Nam bộ.

- **Bệnh đen lép hạt:** Diện tích nhiễm 1.549 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Nam bộ.

- **Chuột:** Diện tích hại 1.819 ha, nặng 05 ha. Phân bố tập trung tại các tỉnh Nam bộ.

- **Ốc brou vàng:** Diện tích hại 2.123 ha, nhiễm nặng 30 ha. Tập trung tại các tỉnh Nam bộ.

### **III. DỰ BÁO THỜI TIẾT TRONG THÁNG XII/2018 VÀ DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG XII/2018 VÀ THÁNG I, II/2019**

#### **3.1. Dự báo thời tiết trong tháng XII/2018**

##### **a. Nhiệt độ:**

- Bắc Bộ: Nhiệt độ trung bình phổ biến cao hơn từ 0.5 đến 1.0<sup>0</sup>C so với TBNN.

- Trung Bộ: Nhiệt độ trung bình phổ biến cao hơn từ 0.5 đến 1.0<sup>0</sup>C so với TBNN cùng thời kỳ.

- Tây Nguyên và Nam Bộ: Nhiệt độ trung bình phổ biến cao hơn từ 0.5 đến 1.0<sup>0</sup>C so với TBNN cùng thời kỳ.

##### **b. Lượng mưa:**

- Bắc Bộ: Tổng lượng mưa tại khu vực Bắc Bộ phổ biến ở mức xấp xỉ trên so với TBNN cùng thời kỳ với tổng lượng mưa phổ biến từ 20-50mm, có nơi cao hơn.

- Trung Bộ: Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ trên so với TBNN cùng thời kỳ với chuẩn sai cao từ 20-40%.

- Tây Nguyên và Nam Bộ: Tổng lượng mưa tại khu vực có khả năng ở mức xấp xỉ trên so với TBNN cùng thời kỳ với tổng lượng mưa phổ biến tại Tây Nguyên từ 30-50mm, tại Nam Bộ phổ biến từ 40-70mm, có nơi cao hơn.

#### **3.2. Dự báo khí hậu 3 tháng XII/2018 và tháng I, II/2019**

##### **a. Nhiệt độ**

Nhiệt độ 3 tháng XII/2018 và I, II/2019 có khả năng từ xấp xỉ đến lớn hơn TBNN trên hầu hết diện tích cả nước, với xác suất từ 55 đến trên 77%. Chuẩn sai nhiệt độ được dự báo phổ biến từ 0,5 đến trên 1,0<sup>0</sup>C.

##### **b. Lượng mưa**

Lượng mưa tháng XII/2018 và I, II/2019 có khả năng từ thấp hơn đến xấp xỉ TBNN trên phần lớn diện tích cả nước, với xác suất 44 đến trên 77%; lớn hơn TBNN ở Trung Trung Bộ và một phần diện tích thuộc Tây Nguyên và Nam Bộ với xác suất từ 44 đến trên 77%. Chuẩn sai lượng mưa được dự báo phổ biến từ -200 đến trên 200mm.

##### **c. Hiện tượng cực đoan**

Không khí lạnh: số đợt KKL ảnh hưởng đến nước ta có khả năng ở mức xấp xỉ TBNN.

Khô hạn: Các khu vực Bắc Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ cần đề phòng khả

năng thiếu nước và khô hạn trong mùa XII-II năm 2018/2019.

## **V. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ**

Từ thực trạng sản xuất nông nghiệp, trạng thái sinh trưởng phát triển của cây trồng trong tháng XI và trên cơ sở dự báo xu thế thời tiết tháng XII/2018 và dự báo khí hậu 3 tháng XII/2018 và I, II/2019 có thể đưa ra một số kiến nghị sau:

### **1. Miền Bắc**

- Tập trung thu hoạch lúa mùa;
- Tập trung làm đất gieo trồng rau màu và các cây vụ đông: ngô, đậu tương, khoai tây, khoai lang;
- Tăng cường các biện pháp phòng trừ sâu bệnh;
- Sẵn sàng các biện pháp ứng phó với bão, lũ, đề phòng lũ ống và lũ quét ở những địa hình dốc cao.

### **2. Miền Trung**

- Tập trung thu hoạch lúa mùa và làm đất gieo trồng các cây vụ đông;
- Sẵn sàng các biện pháp ứng phó với bão, lũ, đề phòng lũ ống và lũ quét, sạt lở đất ở những khu vực miền núi và những nơi có địa hình dốc cao.

### **3. Miền Nam**

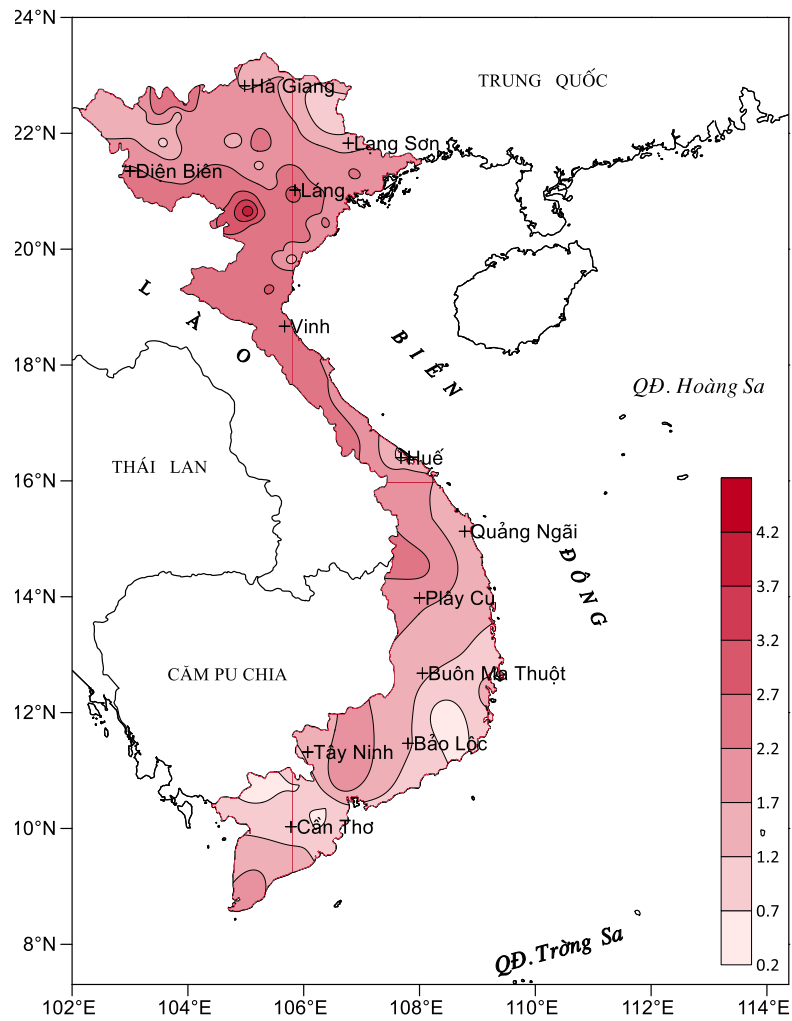
- Tập trung chăm sóc lúa đông xuân;
- Tăng cường các biện pháp chống úng do mưa bão và triều cường;
- Diệt trừ các loại sâu hại lúa đặc biệt là rầy nâu, bệnh đạo ôn, sâu cuốn lá nhỏ và bệnh lem lép hạt.

## **V. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

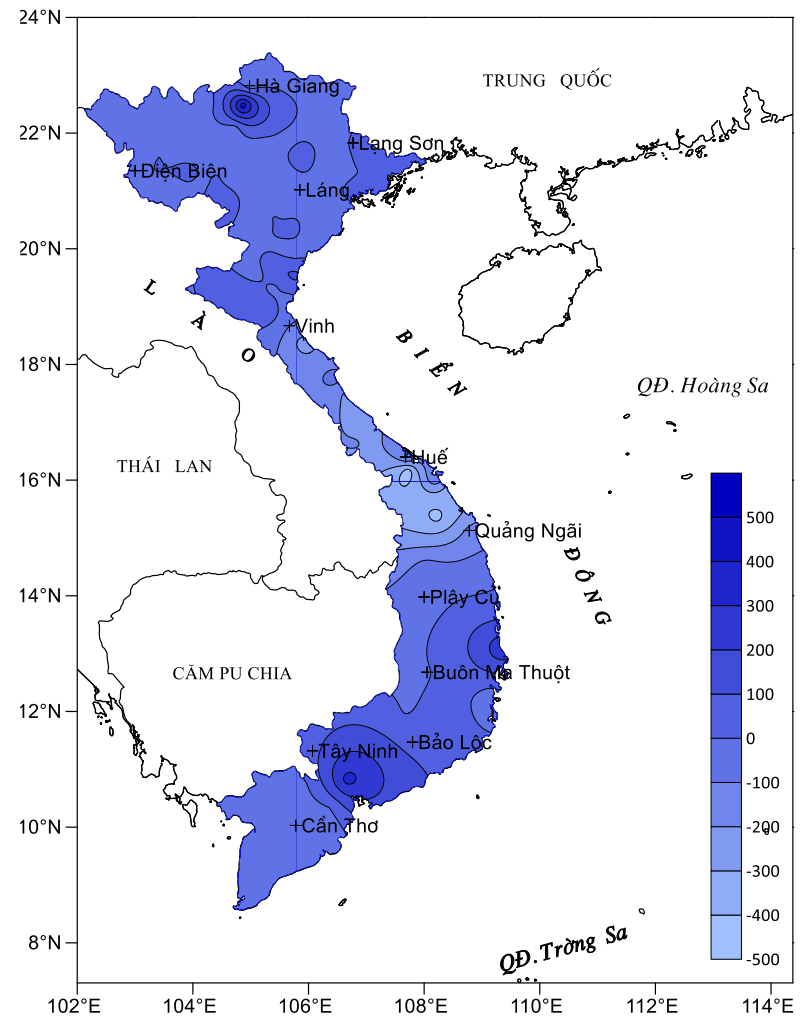
1. Viện Khoa học Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu, Thông báo và dự báo Khí hậu tháng XII/2018 và I, II/2019;

2. Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia, dự báo xu thế thời tiết tháng XII năm 2018 các khu vực trên phạm vi cả nước;

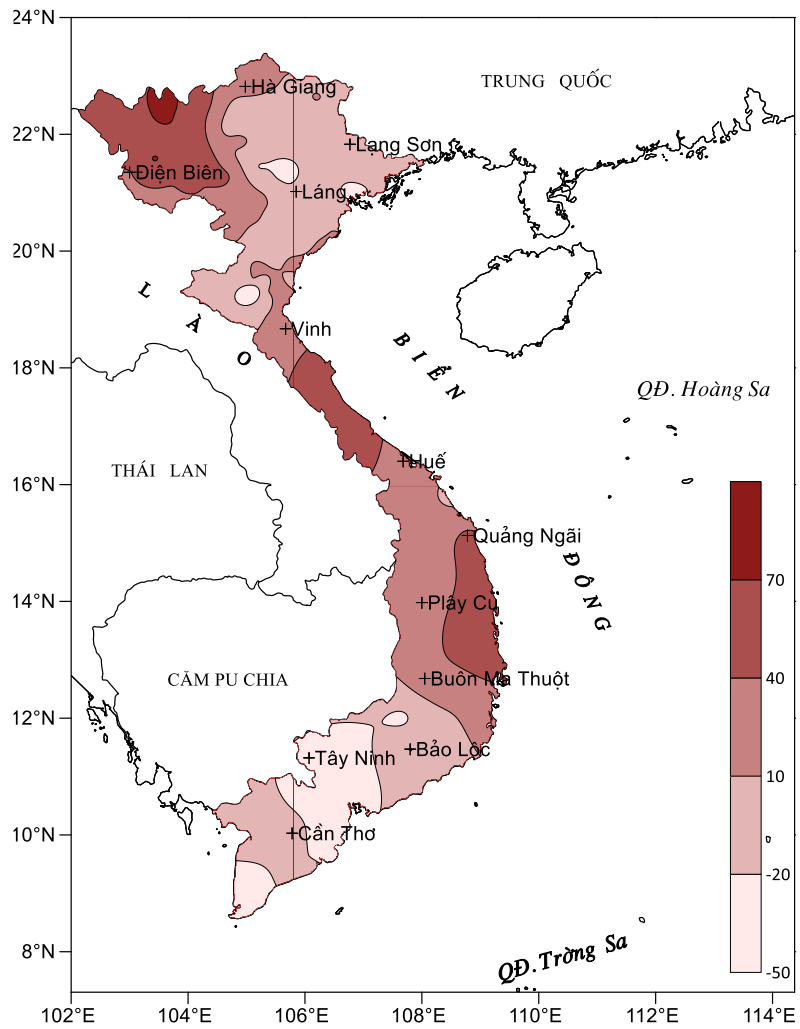
3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch tháng XI năm 2018 ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.



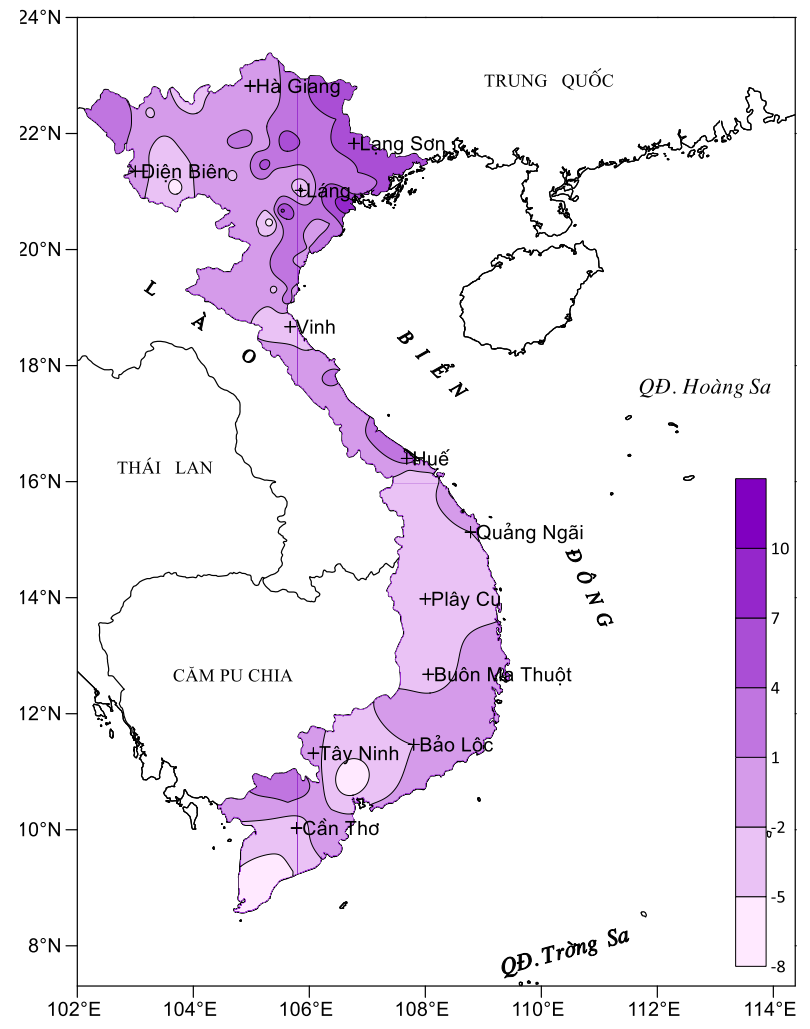
Hình 10. Độ lệch của nhiệt độ tháng XI/2018 so với TBNN (°C)



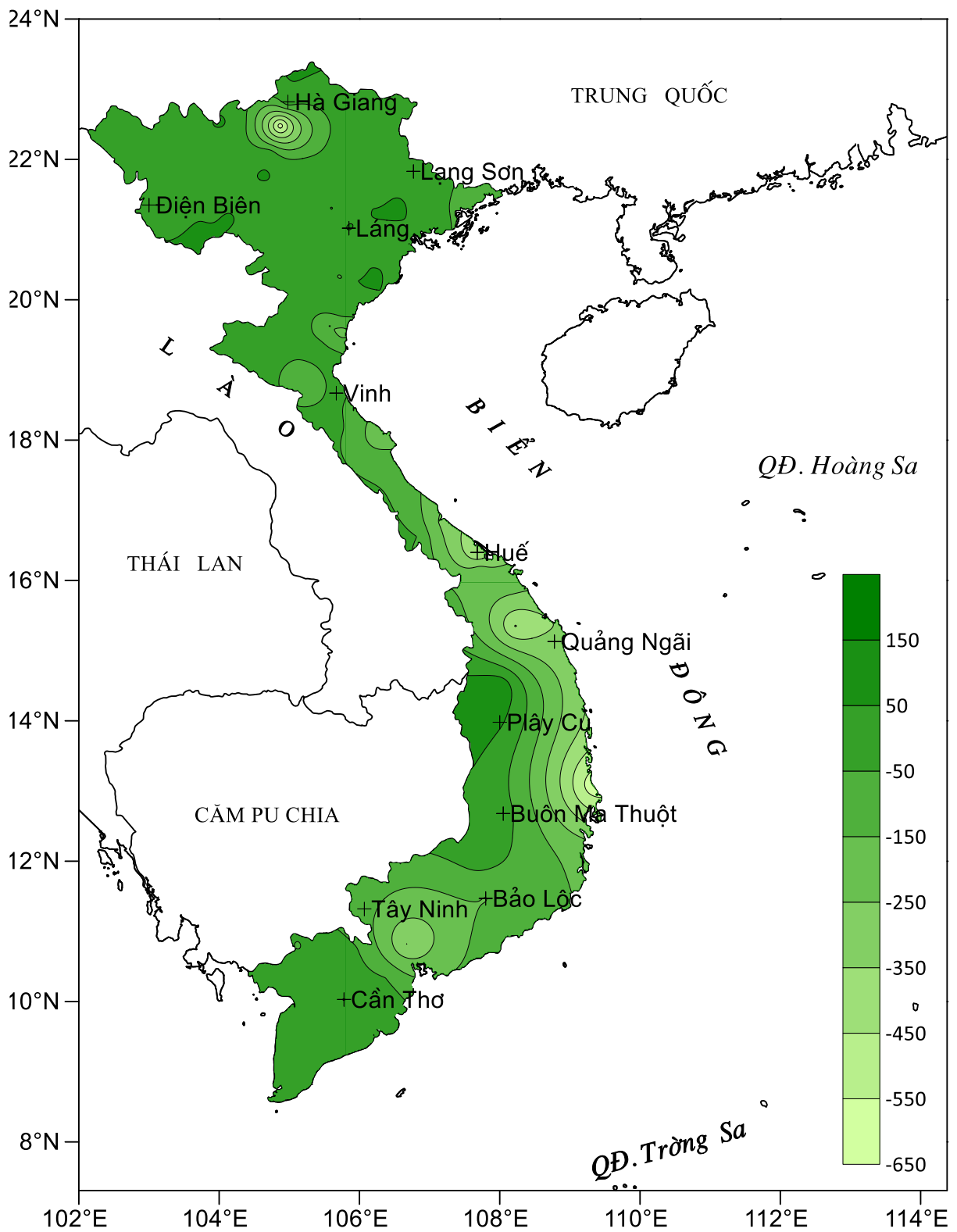
Hình 11. Độ lệch của lượng mưa tháng XI/2018 so với TBNN (mm)



Hình 12. Độ lệch của số giờ nắng tháng XI/2018 so với TBNN (giờ)



Hình 13. Độ lệch của độ ẩm không khí tháng XI/2018 so với TBNN (%)



**Hình 14. Độ lệch của lượng mưa so với lượng bốc hơi tháng XI/2018(mm)**